

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23- 8 -2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thao.
2. Ông Đặng Minh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Đào – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Ngày 23-8-2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 01-7-2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-8-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ánh N, sinh năm 1991. Vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã NH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-4-2022 do Toà án nhân dân huyện ĐA, thành phố Hà Nội chuyển đến Toà án nhân dân huyện TY và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-8-2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không chăm lo kinh tế cho gia đình, hay rượu chè bê tha về đánh chửi và xúc phạm chị N. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 sau đó lại về sống đoàn tụ nhưng mâu thuẫn không giải quyết được vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Văn Đ có một con chung là Hà Anh Đ, sinh ngày 13/6/2019 hiện tại anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị N có nguyện vọng để con cho anh Hà Văn Đ nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 11-7-2022 và tại phiên toà, bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn Đ đồng ý với chị Trần Thị Ánh N về hôn nhân tự nguyện, thời gian và địa điểm kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị N chịu tác động bên ngoài từ hàng xóm và gia đình nên muốn làm đơn ly hôn với anh Đ. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng về sống đoàn tụ.

Về con chung: Anh Hà Văn Đ công nhận vợ chồng có một con chung là Hà Anh Đ, sinh ngày 13/6/2019 hiện đang sống với anh Đ. Nếu chị N kiên quyết ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TY đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được đảm bảo. Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Hà Văn Đ có đăng ký hộ khẩu tại thôn ĐĐ, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ánh N thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ánh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/8/2018 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn mà chị N xác định là do anh Đ không chăm lo kinh tế gia đình, hay rượu chè bê tha về chữ mắng và xúc phạm chị N. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2019 được một thời gian thì quay về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn không hoà giải được vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án, anh Đ xác định do chị N chịu tác động từ hàng xóm và gia đình nên làm đơn ly hôn, tuy nhiên do tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh Đ không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng về sống đoàn tụ. Anh Đ cũng nhiều lần tìm đến chị N để nói chuyện làm rõ mâu thuẫn nhưng chị N không hợp tác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng trong thời gian anh chị quay về chung sống đến nay anh Đ không khắc phục mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn, nhận thấy hôn nhân giữa chị N, anh Đ đã rơi vào tình trạng trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có căn cứ cho chị Trần Thị Ánh N được ly hôn anh Hà Văn Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Văn Đ có một con chung là Hà Anh Đ, sinh ngày 13/6/2019 hiện đang sống với anh Đ. Ly hôn, chị N và anh Đ đều có nguyện vọng để cháu Hà Anh Đ cho anh Đ nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp, vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo về điều kiện nuôi dưỡng và cuộc sống ổn định cần giao cháu Hà Anh Đ cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy chị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cũng không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị Trần Thị Ánh N và anh Hà Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết quan hệ về tài sản và nợ chung.

[5] *Về án phí*: Chị Trần Thị Ánh N phải chịu án phí DSST ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ánh N được ly hôn anh Hà Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Anh Đ, sinh ngày 13/6/2019 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Trần Thị Ánh N không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu Hà Anh Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0046402 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 18-4-2022.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Phương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- UBND xã HC;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

